

Bản án số: 26 / 2017/ HS-ST

Ngày: 19 / 7 / 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa : Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân : 1/ Ông Võ Hoàng Nghiệp

2/ Ông Đặng Tấn Phước

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thanh - Kiểm sát viên .

Hôm nay, ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2017/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2017/HSST-QĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1- Họ và tên: **Trần Thị Ng** - sinh năm: 1970;

- Sinh, trú quán: Ấp P, xã P, huyện A, An Giang;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo phật;

- Học lực: 3/12; Nghề nghiệp: Mua bán;

- Cha: Trần Văn Q (chết);

- Mẹ: Lê Thị T - sinh năm 1939;

- Chị, em ruột có 05 người, bị can là người thứ hai;

- Chồng: Trần Văn Tg - sinh năm 1969. Có 02 con (sinh năm 1988 và 1993);

Tóm tắt quá trình hoạt động bản thân: Từ nhỏ sống chung với cha mẹ, học đến lớp 03 nghỉ học sống bằng nghề mua bán cho đến ngày phạm pháp.

- Tiền án, tiền sự: Chưa

- Bị bắt, tạm giữ và tạm giam từ ngày 04/5/2017 đến ngày 16/6/2017 được tại ngoại.

2- Họ và tên: **Phạm Thị N** - sinh năm 1991;

- Sinh, trú quán: Ấp P, xã P, huyện A, An Giang;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Hòa hảo;

- Học lực: 10/12; Nghề nghiệp: Nội trợ;

- Cha: Phạm Tấn M – sinh năm 1966;

- Mẹ: Nguyễn Thị Ph – sinh năm 1972;

- Chị, em ruột có 03 người, bị can là người thứ hai.

- Chồng: Trần Văn V – sinh năm 1993. Có 02 con (sinh năm 2014 và 2017).

Tóm tắt quá trình hoạt động bản thân: Từ nhỏ sống chung cha mẹ, học đến lớp 10 nghỉ học về phụ giúp gia đình cho đến ngày phạm pháp.

- Tiền án, tiền sự: Chưa.

- Bị cáo tại ngoại.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1970

Cư trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

2. Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1954

Cư trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

3. Ông **Nguyễn Trường G**, sinh năm 1980

Cư trú: Ấp P.H, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Điều vắng mặt)

* Người làm chứng:

Ông **Ngô Bửu Giám**, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Cư trú: Ấp P.K, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 40 phút ngày 04/5/2017, sau khi nhận được tin báo tại nhà Trần Thị Ng ngụ ấp P, xã P, huyện A đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi số đề, lực lượng Công an huyện A tiến hành đến địa điểm trên kiểm tra, bắt quả tang Ng đang ghi đề (số đầu, số lô và số đá) với tổng số tiền là 6.158.000 đồng, nên tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang, bắt giữ Ng và thu giữ các tang vật, dụng cụ dùng vào việc chơi số đề gồm:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 301, màu đen đã qua sử dụng.

- 04 (bốn) cây viết mực (01 màu xanh, 01 màu đỏ, 01 màu đen và 01 màu tím).

- 07 (bảy) tờ phoi ghi số đề (04 phoi đã sử dụng và 03 phoi chưa sử dụng).

- 01 cùi ghi số đề.
- Tiền mặt là 1.321.000 đồng.

Bị cáo Ng khai bán số đề đến khi bị bắt quả tang (ngày 04/5/2017) được khoảng 03 tháng. Hàng ngày sau khi bán xong, khoảng 15 giờ 40 phút Ng sang phơi số đề giao cho 01 người đàn ông tên Bảy (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) khoảng 40 tuổi, chạy xe Wave Trung Quốc, màu nhót đề hưởng huê hồng. Khoảng 13 giờ ngày 04/5/2017, Ng đạp xe đi bán số đề, khi đi Ng để lại điện thoại Nokia 301 ở nhà cho Phạm Thị N (con dâu của Ng) mới sinh nếu có công việc thì dùng điện thoại này gọi chị chồng đến giúp, còn ai gọi đến mua số đề N nghe bán giùm và ghi âm lại cho Ng. Đến khoảng 15 giờ 35 phút cùng ngày, Nguyễn Trường G gọi vào máy của Ng mua số đề, Nưng mở máy nghe bán số đề cho G tổng cộng 400.000 đồng và ghi âm lại.

Đến khoảng 15 giờ 40 phút cùng ngày, Ng bán số đề về nghe N nói “bán số đề cho G 400.000 đồng”, rồi Ng nhờ N vào phơi số đề giao cho thầu. Trong lúc N chuẩn bị vào phơi số đề, thì Công an huyện A đến bắt quả tang với số tiền chơi số đề là 6.158.000 đồng, trong đó: Trên phơi đề là 4.985.000 đồng, trên cùi ghi đề 800.000 đồng và 400.000 đồng trên điện thoại (chưa vào phơi).

Ngoài ra ngày 03/5/2017, Ng khai đã bán số đề đài Cần Thơ với tổng số tiền trên phơi là 5.300.500 đồng, được thể hiện trong 03 phơi đề Công an thu giữ khi bắt quả tang.

Đối với bị cáo N, bị cáo thừa nhận ngoài lần bị bắt quả tang thì trước đó cũng có nhiều lần bán giùm cho bị cáo Ng khi Ng vắng nhà và thực hiện việc vô phơi đề giúp, tuy nhiên các lần bán trước đó thì bị cáo không nhớ bán cho ai, số tiền là bao nhiêu và cũng không có hưởng lợi từ việc bán số.

Hành vi phạm tội của bị cáo còn được thể hiện qua lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như người làm chứng như:

- Ông Nguyễn Trường G cho biết: Khoảng 15 giờ 35 ngày 04/5/2017, G sử dụng số điện thoại 0918284103 gọi cho số điện thoại 0968937403 của Ng để mua số đầu và số lô hai con đài An Giang tổng cộng 400.000 đồng. Khi mua chưa trả tiền, chiều có kết quả xổ số mới tiền tính với Ng.

- Bà Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị B cho biết: Chiều ngày 04/5/2017, H và B có mua số đề đài An Giang (số đầu và số lô 02 con) của Ng, H mua số đề tổng cộng 200.000 đồng, còn B mua bao nhiêu không nhớ.

- Anh Ngô Bửu G cho biết: Khoảng 15 giờ 45 ngày 04/5/2017, anh từ Văn Phòng ấp P, xã P đi về nhà. Khi đến khu vực gần nhà của Ng (ấp P, xã P), thấy Công an huyện A bắt quả tang Ng cùng với N (con dâu của Ng) có hành vi mua bán số đề và thu giữ một số tang vật sử dụng vào việc bán số đề.

Cáo trạng số 20/VKS ngày 23/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo Ng, N về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, các bị cáo nói lời nói sau cùng xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho được hưởng án treo, hứa không tái phạm.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm o, p khoản 1, 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, 53 và 60 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ng từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 20, 31, 53 BLHS xử phạt bị cáo N từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự để quyết định biện pháp tư pháp trong vụ án.

Về xử lý vật chứng: tịch thu tiêu hủy:

- 04 (bốn) cây viết mực (01 màu xanh, 01 màu đỏ, 01 màu đen và 01 màu tím).
- 07 (bảy) tờ phơi ghi số đề (04 phơi đã sử dụng và 03 phơi chưa sử dụng).
- 01 cùi ghi số đề.

Sung công quỹ Nhà nước đối với:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 301, màu đen đã qua sử dụng.
- Tiền mặt 6.158.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó có căn cứ khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông G, bà H, bà B vắng mặt, tuy nhiên quá trình điều tra đã ghi nhận lời khai của những người này. Căn cứ Điều 191, 192 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông, bà là có căn cứ.

- Về nội dung vụ án:

Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản ghi lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra...và tại phiên tòa

hôm nay thể hiện vào ngày 04/5/2017 các bị cáo Ng, N đã có hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền với nhiều người bằng hình thức ghi số đề với tổng số tiền là 6.158.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại Điều 248 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

Đối với Nguyễn Trường G, Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị B là những người có hành vi mua số đề do Ng và N bán là trái pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc. Cơ quan Điều tra chuyển xử lý hành chính là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Xét về tính chất của vụ án thì thấy như sau:

Đánh bạc là một trong những tệ nạn trong xã hội, nó không những làm cho người tham gia bỏ bê lao động, sản xuất, chỉ trông chờ vào vận may, gây xáo trộn hoạt động bình thường trong cộng đồng dân cư mà còn kéo theo những tệ nạn khác. Do vậy, pháp luật hình sự nước ta đã quy định hành vi đánh bạc là tội phạm và những người ghi bán số đề, bán cá cược bóng đá để được hưởng hoa hồng của chủ thầu cũng như những người tham gia đều phạm vào tội đánh bạc được quy định tại điều 248 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Trần Thị Ng và Phạm Thị N là những người có đầy đủ nhận thức, biết pháp luật nghiêm cấm hành vi mua, bán số đề, nhưng với ý thức háms lợi các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm pháp. Qua đó cũng cho thấy các bị cáo là người xem thường pháp luật, bất chấp hậu quả. Do vậy, khi lượng hình phải xử phạt các bị cáo một hình phạt nghiêm để răn đe.

Trong vụ án này, bị cáo Ng là người giữ vai trò chính nên phải có mức án cao hơn bị cáo N mới thỏa đáng. Bởi lẽ, chính bị cáo là người chủ động chuẩn bị các phương tiện để thực hiện tội phạm như giấy, viết, điện thoại có chức năng ghi âm, bị cáo phạm tội nhiều lần mà mỗi lần phạm tội đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Tuy nhiên cũng xem xét bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là thành phần lao động nghèo, học vấn thấp, nhân thân chưa có tiền án tiền sự, bị cáo đã tự thú về hành vi phạm tội trước đó trong quá trình điều tra và bản thân bị cáo Ng đã tác động đến người thân nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính từ việc bán số đề, do vậy giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo N: là đồng phạm trong vụ án, tuy nhiên xét thấy vai trò của bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi, bản thân không thu lợi bất chính trong việc bán số đề, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên nghĩ không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

- Về hình phạt: xét thấy các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại các bị cáo chấp hành tốt chủ trương, chính sách của địa phương, không phạm tội mới nên cho bị cáo Ng được hưởng án treo, đối với bị cáo N cho bị cáo cải tạo không giam giữ cũng đủ răn đe các bị cáo. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nương do hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

- Các biện pháp tư pháp khác:

Lẽ ra các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, tuy nhiên xét thấy hoàn cảnh kinh tế các bị cáo khó khăn nên không áp dụng.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Về tang vật chứng và các tài sản có liên quan cần phân ra để xử lý như sau:

+ 5.758.000 đồng của bị cáo Ng.

+ 400.000 đồng do Nguyễn Trường G giao nộp.

+ 04 cây viết mực (một xanh, một đỏ, một tím và một đen).

+ 03 phoi đề trắng chưa sử dụng.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 301 màu đen, số IMEI 1 và 2 : 359212058729946 và 259212058729953 đã qua sử dụng.

Tịch thu sung công quỹ số tiền 6.158.000 đồng (trong đó của bị cáo Nga là 5.758.000 đồng và của ông G là 400.000 đồng) đã giao nộp theo biên lai thu số 007058 ngày 09/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Tịch thu tiêu hủy 04 cây viết mực và 03 phoi đề trắng chưa sử dụng.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 301 màu đen, số IMEI 1 và 2 : 359212058729946 và 259212058729953 đã qua sử dụng.

(Các tài sản, vật trên hiện do Chi Cục Thi hành án huyện A đang quản lý theo biên bản giao nhận ngày 09/6/2017).

Về án phí: Bị cáo Ng và bị cáo N mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Ng và Phạm Thị N phạm tội “ Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, Điều 20, điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 53 và Điều 60 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ng 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 tháng tính kể từ ngày tuyên án 19/7/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, Điều 20, Điều 31, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị N 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo Ng, N cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng trong vụ án không còn giá trị sử dụng gồm: Tịch thu tiêu hủy 04 cây viết mực (một xanh, một đỏ, một tím và một đen) và 03 phoi đề trắng chưa sử dụng.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 6.158.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 301 màu đen, số IMEI 1 và 2: 359212058729946 và 259212058729953 đã qua sử dụng.

(Các tài sản, vật trên hiện do Chi Cục Thi hành án huyện A đang quản lý theo biên bản giao nhận ngày 09/6/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A với Chi cục Thi hành án huyện A).

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo Ng và bị cáo N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)

* Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- CA, VKS huyện AP;
- Tòa án tỉnh AG;
- Sở TP AG;
- THA DS H.An Phú;
- Cơ quan THA HS;
- Lưu HS – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Bảo